

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN
CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 28/2019/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 3 năm 2019 giữa:

Nguyên đơn: Anh Bùi Văn N - Sinh năm 1991

Địa chỉ: Thôn Bái Đ 1, xã Phụng N, huyện Như T, tỉnh Thanh Hóa.

Bị đơn: Chị Bùi Thị T - Sinh năm 1994

Nơi ĐKKHKT: Thôn Bái Đ 1, xã Phụng N, huyện Như T, tỉnh Thanh Hóa.

Địa chỉ hiện nay: Thôn Khe T, xã Phụng N, huyện Như T, tỉnh Thanh Hóa.

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 **khoản 3, 4 Điều 147** của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào **Điều 55; Điều 81; Điều 82; Điều 83** của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành **ngày 18 tháng 4 năm 2019**.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành **ngày 18 tháng 4 năm 2019** là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Bùi Văn N và chị Bùi Thị T.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Về hôn nhân: Anh Bùi Văn N và chị Bùi Thị T thống nhất thuận tình ly hôn.

Về con chung: Anh Bùi Văn N và chị Bùi Thị T thống nhất có hai con chung là: Bùi Thị T, sinh ngày 03/9/2011, Bùi Thị T, sinh ngày 21/12/2013.

Hai bên thỏa thuận: Anh N trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc hai cháu Bùi Thị T và Bùi Thị T, chị T cấp dưỡng nuôi hai con cùng anh N mỗi tháng 700.000 đồng một cháu (mỗi tháng 1.400.000đ cho hai cháu). Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 5/2019 cho đến khi cháu T và cháu T đủ 18 tuổi.

Chị T có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

- Về tài sản và công nợ: Anh Bùi Văn N và chị Bùi Thị T thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Miễn nộp tiền án phí ly hôn sơ thẩm cho anh Bùi Văn N và tiền án phí dân sự không có giá ngạch đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho chị Bùi Thị T.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NHƯ THANH
Thẩm phán

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Như Thanh;
- Thi hành án (để thi hành);
- UBND **xã Phụng N, Như Thanh**;
- Phòng giám đốc án TA tỉnh;
- Lưu Hồ sơ.

Lê Văn Quân